|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày tháng 6 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

 **Tóm tắt nội dung các nghị quyết chuyên đề trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022), HĐND tỉnh khoá XVII**

*(Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ tiếp xúc cử tri)*

Thực hiện Kế hoạch số 156/KH-HĐND ngày 27/5/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chuẩn bị nội dung Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, HĐND tỉnh khóa XVIII; Ủy ban nhân dân tỉnh tóm tắt nội dung các nghị quyết chuyên đề trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp, cụ thể như sau:

***1. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Tĩnh.***

Để hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành ngân sách; đáp ứng kịp thời các yêu cầu cần thiết phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, với nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bãi bỏ điểm g khoản 2 Điều 10.

- Sửa đổi đầu mục điểm e khoản 2 Điều 10 thành điểm g khoản 2 Điều 10;

- Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 10 về bố trí cho các dự án quan trọng, cần thiết của địa phương:

“e) Bố trí cho các dự án quan trọng, cần thiết của địa phương; dự án có tính kết nối, tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường; các nhiệm vụ quy hoạch cấp tỉnh; các dự án thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình trọng điểm và đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và các nhiệm vụ đầu tư khác theo quy định của pháp luật;”.

***2. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh, với các nội dung như sau:

***-*** Bổ sung nội dung thu đối với Lệ phí đăng ký cư trú (Tách hộ; điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; xác nhận thông tin về cư trú);

- Ban hành quy định thay thế đối với Lệ phí trước bạ theo Nghị định số 10/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2022 quy định về lệ phí trước bạ.

***3. Nghị quyết sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết thực hiện sắp xếp 20 thôn, tổ dân phốđể thành lập 11 thôn, tổ dân phốmới (giảm 09 thôn, tổ dân phố); số thôn, tổ dân phốtrên địa bàn toàn tỉnh từ 1.946 thôn, tổ dân phốgiảm còn 1.937 thôn, tổ dân phố) và thực hiện việc đổi tên 11 thôn, tổ dân phố tại các xã, thị trấn thuộc các huyện: Hương Khê, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Hương Sơn.

***4. Nghị quyết quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh***

- Cơ sở pháp lý: Thực hiện theo Luật giáo dục năm 2019, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

- Mức thu học phí:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành học, cấp học** | **Vùng 1** | **Vùng 2** | **Vùng 3** |
| 1 | Nhà trẻ | 50 | 120 | 300 |
| 2 | Mẫu giáo | 50 | 100 | 300 |
| 3 | Tiểu học | 50 | 100 | 300 |
| 4 | Trung học cơ sơ | 50 | 100 | 300 |
| 5 | Trung học phổ thông | 100 | 200 | 300 |
| 6 | Trường THCS Lê Văn Thiêm, TP Hà Tĩnh; Trường THCS Xuân Diệu, huyện Can Lộc; Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Nghi Xuân |  |  | 450 |
| 7 | Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh |  |  | 500 |

Trong đó:

+ Vùng 1 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên Bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê và Thôn Bản Giàng, xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê;

+ Vùng 2 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên địa bàn các xã (trừ các trường, điểm trường tại vùng 1).

+ Vùng 3 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên địa bàn các phường, thị trấn.

- Mức thu nói trên là cận dưới của khung học phí theo quy định của Chính phủ; áp dụng cận dưới vì so với mức thu hiện tại thì mức thu dự kiến cũng tăng từ 1,7 đến 3 lần; có so sánh với mức thu của các tỉnh trong khu vực và cả nước;

 - Học sinh tiểu học không phải thu học phí nhưng có quy định mức thu để hỗ trợ học sinh tiểu học ở địa bàn không đủ trường công lập phải học ở trường tư thục;

 - Quy định riêng mức học phí của Trường THPT Chuyên và một số trường THCS tuyển sinh trên địa bàn huyện: Để bảo đảm công bằng trong giáo dục (các trường này được ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất, bố trí đội ngũ). Mặt khác, đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn học tại Trường THPT chuyên đã có chính sách hỗ trợ; đối với học sinh các trường THCS không có điều kiện học tại các trường nói trên có thể học ở các trường THCS khác trên địa bàn (thị trấn Nghèn và thị trấn Tiên Điền có 02 trường THCS).

***5. Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 – 2025***

Nội dung cơ bản của Nghị quyết là tích hợp các chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục do HĐND tỉnh ban hành vào một Nghị quyết; đồng thời bổ sung một số chính sách mới và bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp, cụ thể:

a) Chính sách đối với giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp: Gồm các chính sách quy định tại Nghị quyết số 264/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh:

- Hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp: hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở;

- Hỗ trợ trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp: 160.000 đ/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ theo số tháng thực học nhưng không quá 9 tháng/năm học;

- Hỗ trợ giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp: 800.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ theo thời gian làm việc thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học, theo số giáo viên làm việc thực tế nhưng không quá định mức giáo viên do HĐND tỉnh quy định.

b) Chính sách đối với học sinh, giáo viên Trường THPT Chuyên và học sinh, giáo viên trường THPT khác tham gia bồi dưỡng và dự thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, khu vực quốc tế: Tích hợp chính sách từ các Nghị quyết: Số 143/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015, số 261/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh

- Học bổng khuyến khích: Chi trả 50% số học sinh trường THPT chuyên có hạnh kiểm tốt học lực giỏi, điểm môn chuyên từ 8,5 điểm trở lên hoặc đạt giải trong kỳ thi quốc gia, quốc tế và khu vực quốc tế; mức học bổng bằng từ 3 đến 8 tháng mức đóng học phí của trường tùy theo thành tích học sinh đạt được, thời gian hưởng theo số tháng thực học nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Hỗ trợ sinh hoạt phí đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn: con dân tộc ít người, con hộ nghèo, hộ cận nghèo và con hộ có thu nhập trung bình nhà ở xa trường; mức hỗ trợ: 890.000, 1.190.000, 1.260.000 đ/hs/tháng tùy theo hoàn cảnh của học sinh; thời gian hỗ trợ theo số tháng thực học nhưng không quá 9 tháng trong một năm học.

So với Nghị quyết đang thực hiện thì dự thảo Nghị quyết mới bổ sung thêm đối tượng là học sinh các trường THPT khác tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn.

- Hỗ trợ học sinh tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi tiền ăn, tiền thuê chỗ nghĩ, tiền xe đi lại: Tăng mức hỗ trợ tiền ăn từ 50.000 đ, 100.000 đ lên 150.000 đồng/học sinh, bổ sung tiền ở nội trú và tiền xe đi lại đối với học sinh trường THPT khác về Trường THPT Chuyên bồi dưỡng để phù hợp thực tế và đảm bảo công bằng giữa học sinh Trường THPT Chuyên và học sinh các trường khác.

- Mức chi dạy bồi dưỡng học sinh giỏi: Giữ nguyên như cũ; bổ sung bồi dưỡng học sinh dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật, giáo viên mời tham gia bồi dưỡng bao gồm cả phó giáo sư và tiến sĩ.

- Chính sách ưu đãi đối với giáo viên dạy đội tuyển có học sinh dự thi đạt giải: Giữ nguyên như cũ, mức hưởng chuyển từ theo hệ số sang số tuyệt đối.

- Đưa ra khỏi Nghị quyết 143/2015/NQ-HĐND chính sách hỗ trợ kinh phí đối với giáo viên Trường THPT Chuyên đi đào tạo, bồi dưỡng, giám sát kỳ thi ở nước ngoài; khen thưởng khi có thành tích đặc biệt xuất sắc.

Lý do: Không phát sinh thường xuyên (từ khi ban hành đến nay không có). Mặt khác, nếu có phái sinh thì cũng phải đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Chính sách khen thưởng học sinh có thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi, tuyển sinh vào đại học, có chứng chỉ tiếng anh quốc tế: Khen thưởng học sinh giỏi trước đây được quy định tại Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND tỉnh, nhưng chưa được tích hợp vào Nghị quyết 46/2021/NQ-HĐND tỉnh; bổ sung khen thưởng học sinh có thành tích cao trong tuyển sinh đại học và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Mức khen thưởng học sinh giỏi bằng mức khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND; mức thưởng học sinh có điểm cao trong tuyển sinh đại học và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tư 5 đến 10 triệu đồng tùy theo thành tích.

d) Chính sách tinh giản biên chế, hỗ trợ đào tạo văn bằng 2, biệt phái giáo viên, giáo viên ngoại ngữ có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: Tích hợp các chính sách quy định tại Nghị quyết 96/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 152/2019/NQ-HĐND nhưng có điều chỉnh một số nội dung để phù hợp quy định mới, cụ thể:

- Điều chỉnh về độ tuổi nghỉ hưu, quy định cách tính khoản hỗ trợ;

- Kéo dài thời gian thực hiện chính sách đối với giáo viên biệt phái, giáo viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

- Bỏ các chính sách: Hỗ trợ giáo viên cốt cán (chuyển sang trừ tiết dạy hoặc làm thêm), hỗ trợ nhóm đối tượng về hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động (đối tượng này chỉ thực hiện từ ngày 01/01/2016 đến hết năm 2020), hỗ trợ lao động hợp đồng theo Quyết định 240/QĐ-UBND của UBND tỉnh khi chấm dứt hợp đồng (hết đối tượng), viên chức giáo dục dôi dư sau rà soát cử đi đào tạo để làm thư viện, giáo viên mầm non (không có đối tượng).

đ) Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”

Nội dung này mới bổ sung để thực hiện Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính, gồm quy định nội dung và mức chi: Phổ biến giáo dục pháp luật, công tác phí, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá mô hình học tập, điều tra nhu cầu học tập; mức chi được quy định theo các nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành.

Về nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết: đã có trong dự toán năm 2022; các chính sách mới tăng thêm khoảng 5.035 triệu/năm.

***6. Nghị quyết bổ sung nội dung, mức chi quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh***

Để có cơ sở để các đơn vị, địa phương tổ chức lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chỉ đạo thi (Phó Trưởng ban thường trực); Hội đồng thi (Ủy viên thường trực); Hội đồng/Ban coi thi (Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực; Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng điểm thi, giám sát; nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài); Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban chấm phúc khảo tự luận, Hội đông/Ban chấm thẩm định bài thi (Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực, công an bảo vệ bài thi); Ban chấm thi trắc nghiệm, Ban chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm (Trưởng ban, Phó Trưởng ban; Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát, công an bảo vệ bài thi; nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài); Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra (Trưởng đoàn/Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra, Phó Trưởng đoàn/Tổ phó thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra, thư ký Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra, thanh tra viên độc lập, thành viên Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra):

| **TT** | **Chức danh** | **Đơn vị tính** | **Mức chi**  |
| --- | --- | --- | --- |
| **2** | **Hội đồng/Ban in sao đề thi** |  |  |
|  | f) Trưởng ban vận chuyển đề thi | Đồng/người/ ngày |  480 000 |
| **3** | **Ban Chỉ đạo thi**  |   |   |
|   | e) Phó Trưởng ban thường trực | Đồng/người/ ngày |  540 000 |
| **4** | **Hội đồng thi** |   |   |
|   | d) Ủy viên thường trực | Đồng/người/ ngày |  420 000 |
| **6** | **Hội đồng coi thi/Ban coi thi** |   |   |
|   | đ) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực | Đồng/người/ ngày |  430 000 |
|  | e) Trưởng Điểm thi | Đồng/người/ ngày |  430 000 |
|  | f) Phó trưởng điểm  | Đồng/người/ ngày |  390 000 |
|   | g) Cán bộ coi thi, cán bộ giám sát | Đồng/người/ ngày |  330 000 |
|  | h) Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài | Đồng/người/ ngày |  200 000 |
| **7** | **Ban/Tổ làm phách** |  |  |
|  | e) Nhân viên y tế | Đồng/người/ ngày |  200 000 |
| **8** | **Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban chấm phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi**  |   |   |
|   | đ) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực | Đồng/người/ ngày |  480 000 |
|   | e) Công an bảo vệ bài thi (bảo vệ vòng trong) | Đồng/người/ ngày |  320 000 |
|  | f) Nhân viên y tế | Đồng/người/ ngày |  200 000 |
| **9** | **Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm**  |   |   |
|   | a) Trưởng ban  | Đồng/người/ ngày |  540 000 |
|   | b) Phó Trưởng ban  | Đồng/người/ ngày |  420 000 |
|  | c) Ủy viên, thư ký. Kỹ thuật viên | Đồng/người/ ngày |  340 000 |
|   | d) Công an bảo vệ bài thi | Đồng/người/ ngày |  320 000 |
|   | đ) Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài  | Đồng/người/ ngày |  200 000 |
| **10** | **Đoàn/Tổ thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau thi (thành viên Đoàn/Tổ thanh tra không phải công chức thanh tra chuyên ngành)**  |  |  |
| 10.1 | Chuẩn bị tổ chức thi; coi thi; làm phách; vận chuyển đề thi, bài thi; Ra đề thi; In sao đề thi |  |  |
|   | a) Trưởng đoàn thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người /ngày |  480 000 |
|  | b) Phó đoàn,Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người/ ngày |  430 000 |
|   | c) Thư ký thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người/ ngày |  380 000 |
|   | d) Thanh tra viên độc lập | Đồng/người /ngày |  380 000 |
|  | đ) Thành viên thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người /ngày |  330 000 |
| 10.2 | Chấm thi/Chấm phúc khảo/ Chấm thẩm định |  |  |
|   | a) Trưởng đoàn thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người /ngày |  540 000 |
|   | b) Phó đoàn,Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người/ ngày |  430 000 |
|   | c) Thư ký thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người/ ngày |  380 000 |
|  | d) Thanh tra viên độc lập | Đồng/người /ngày |  380 000 |
|  | đ) Thành viên thanh tra/kiểm tra/trực thanh tra/giám sát | Đồng/người /ngày |  330 000 |
| **11** | **Thành viên Đoàn/Tổ thanh tra là công chức thanh tra chuyên ngành** | Đồng/người/ ngày |  80 000 |

***7. Nghị quyết đặt tên một số tuyến đường tại thị xã kỳ Anh và thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết đặt tên 31 tuyến đường, kéo dài 02 tuyến tại thị trấn Thạch Hà và đặt tên 72 tuyến đường, kéo dài 01 tuyến tại thị xã Kỳ Anh.

***8. Nghị quyết quy định một số chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025***

Nghị quyết thông qua các chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 được tích hợp, sửa đổi, bổ sung các chính sách tạiNghị quyết số 177/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 179/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 263/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 49/2021/NQ-HĐND.

*8.1. Nội dung các chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025, bao gồm:*

- Chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện;

- Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế;

- Chính sách về Hỗ trợ thu nhập cho thành viên hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người cao tuổi, người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo; thành viên viên thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động;

- Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Chính sách tặng quà cho người có công nhân kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sỹ, Tết cổ truyền;

- Chính sách tặng quà, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi.

*8.2. Kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội giai đoạn 2022 - 2025*

Tổng kinh phí thực hiện chính sách giảm nghèo và đảm bảo ASXH giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là: **3.209.985 triệu đồng**, trong đó:

- Ngân sách trung ương là: 2.669.402 triệu đồng (chiếm 83,16%;

- Ngân sách tỉnh là: 550.895 triệu đồng (chiếm 17,16%).

***9. Nghị quyết thông qua chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2022 - 2025***

Các chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm được ban hành tại kỳ họp lần này chủ yếu là các chính sách được tích hợp, bổ sung trên cơ sở các chính sách đã được ban hành tại Nghị quyết số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của về việc quy định một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

*9.1. Nội dung các chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm*

- Hỗ trợ người lao động tham gia học nghề trình độ sơ cấp, học nghề dưới 3 tháng.

- Hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp đối với học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học nghề; hỗ trợ học phí học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách học nghề và chính sách học văn hóa quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hỗ trợ học phí học nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp đối đối với các nghề khuyến khích đào tạo

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động, học sinh, sinh viên và cung ứng lao động miễn phí

*9.2. Kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2022-2025:* Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025: 725.871 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 581.300 triệu đồng (chiếm 80,1% tổng kinh phí thực hiện);

- Ngân sách tỉnh: **136.596** triệu đồng (chiếm 18,8% tổng kinh phí thực hiện); Huy động xã hội hóa **5.850** triệu đồng (chiếm 0,8% tổng kinh phí thực hiện).

***10. Nghị quyết quy định tỷ lệ sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025***

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020, Hội đồng Nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 về việc quy định sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Nghị quyết quy định định tỷ lệ được sử dụng ngân sách các cấp đối với từng nội dung, công việc khi sử dụng vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Qua quá trình thực hiện các địa phương đã tuân thủ quy định, ngoài vốn ngân sách đã huy động được lượng vốn xã hội hóa đạt 20-25% tổng vốn thực hiện đầu tư các công trình, dự án sử dụng nguồn vốn nông thôn mới. Tuy vậy, Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh đã hết hiệu lực từ 31/12/2020 và trong quá trình triển khai có một số nội dung cần sửa đổi để phù hợp với quy định mới và thực tiễn, cụ thể:

- Có 14 nội dung chính quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với ngân sách Trung ương, tỉnh và NSNN các cấp, gôm:

+ Các nội dung được hỗ trợ tối đa 100% Ngân sách Nhà nước: Công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình NTM, Chương trình OCOP, du lịch nông thôn; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM; rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch cấp xã và rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện.

+ Các nội dung, công việc khác: Mức hỗ trợ ngân sách Trung ương, tỉnh từ 30% đến dưới 100%.

***11. Nghị quyết về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho Dự án Đê tả nghèn huyện Lộc Hà, đoạn qua Chùa Phổ Độ nối tỉnh lộ 9 và dự án xử lý cấp bách đê tả nghèn, huyện Lộc Hà.

***12. Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 – 2025, với các chính sách sau:

***Thứ nhất:*** *Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh:*

 1. Chính sách hỗ trợ thêm ngoài lương:

a) Mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với:

- Bác sỹ, dược sỹ đại học công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước về y tế - dân số;

- Bác sỹ, dược sĩ đại học công tác tại: Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần;

- Bác sỹ làm việc thường xuyên, liên tục trong lĩnh vực: Truyền nhiễm, cấp cứu, hồi sức cấp cứu, giải phẫu bệnh thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Giám định viên Pháp y.

- Bác sỹ công tác tại: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; lĩnh vực y tế dự phòng thuộc các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

b) Mức 750.000 đồng/người/tháng đối với Bác sỹ công tác lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế/Bệnh viện đa khoa huyện, thị xã, thành phố;

c) Mức 1.500.000 đồng/người/tháng đối với Bác sỹ công tác tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thuộc các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

2. Chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn y

a) Bác sỹ công tác tại các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh, tuyến huyện theo phân cấp quản lý được Sở Nội vụ ban hành Quyết định cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn y thời gian từ 03 tháng đến 12 tháng học tập trung tại các trường đại học trong nước, các cơ sở y tế tuyến Trung ương, được hỗ trợ 50% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá:

- 5.000.000 đồng/người/khóa học có thời gian từ 03 tháng đến dưới 6 tháng.

- 10.000.000 đồng/người/khóa học có thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng.

b) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần ngay sau khi hoàn thành khóa học và nhận Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận.

3. Đối tượng là nữ được hưởng thêm 05% mức hỗ trợ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Chính sách hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã.

a) Bố trí kinh phí hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, tối thiểu 50 tỷ đồng/năm

(ưu tiên đầu tư chống xuống cấp cơ sở vật chất).

b) Hỗ trợ 50% kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin nhưng tối đa không quá:

- 500.000 đồng/giường bệnh kế hoạch/năm đối với bệnh viện/trung tâm y tế có giường bệnh (không tính giường bệnh tại trạm y tế);

- 6.000.000 đồng/trạm y tế/năm.

***Thứ hai:*** *Chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh*

1. Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc đối tượng tinh giản biên chế.

1.1. Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP , ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/ 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế:

Người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP nếu có tuổi thấp hơn tối đa 2 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 1 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ hai mươi năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được tỉnh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

1.2. Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP), nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019), ngoài chính sách quy định còn được tỉnh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương;

c) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019).

***Thứ ba:*** *Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế và hỗ trợ cùng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS*

 Hỗ trợ 100% mức đóng thẻ bảo hiểm y tế và 100% chi phí cá nhân cùng chi trả thuốc ARV cho các đối tượng quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

***Thứ tư:*** *Chính sách hỗ trợ đối với người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo*

Người bệnh Tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo được hỗ trợ tiền ăn bằng 3% mức lương cơ sở/người bệnh/ngày.

**Về nguồn kinh phí thực hiện:** Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

***13. Nghị quyết về Quy định chi tiết nhiệm vụ chi ngân sách các cấp về bảo vệ môi trường***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định chi tiết các nội dung quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nhằm đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách ở địa phương đúng quy định của pháp luật và phù hợp điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Tĩnh.

Về nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn ngân sách các cấp, nguồn vốn xã hội hóa bảo đảm kinh phí hoạt động bảo vệ môi trường cấp tỉnh, huyện, xã và được bố trí trong dự toán chi bảo vệ môi trường thường xuyên hàng năm.

- Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

***14. Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đặc dụng bổ sung 6 tháng cuối năm 2022***

Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2020.

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**